

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NHẬN THỨC CỦA HỌC SINH QUA DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG DÂN TỘC THIỂU SỐ TỈNH QUẢNG BÌNH, QUẢNG TRỊ, THỪA THIÊN - HUẾ THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

ĐẶNG VĂN HỒ* - ĐẶNG THỊ THÙY DƯƠNG**

Ngày nhận bài: 21/08/2017; ngày sửa chữa: 22/08/2017; ngày duyệt đăng: 24/08/2017.

Abstract: The article presents situation of developing cognitive competence of students through teaching history at ethnic minority high school in Quang Binh, Quang Tri and Thua Thien-Hue provinces. Also, the article proposes some solutions to improve the quality of teaching history at mountainous areas in these provinces towards orientation of fundamental and comprehensive education reform in Vietnam today.

Keywords: Ethnic minority student, cognitive competence, teaching history.

Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ diễn ra một cách mạnh mẽ, cùng với xu hướng toàn cầu hóa dẫn đến hiện tượng bùng nổ thông tin toàn cầu, đòi hỏi giáo dục của các nước phải nhanh chóng thích ứng, đổi mới không ngừng để phát triển tối đa tiềm năng, trí tuệ của người học. Do vậy, việc dạy học theo hướng tiếp cận năng lực (NL) của học sinh (HS) đặc biệt là HS dân tộc thiểu số (DTTS) là một yêu cầu bức thiết của nền giáo dục Việt Nam hiện nay.

Để góp phần nâng cao chất lượng dạy học bộ môn *Lịch sử* (LS) ở các trường trung học phổ thông (THPT) miền núi theo tinh thần đổi mới giáo dục hiện nay, bài viết tập trung làm rõ thực trạng và đề xuất một số giải pháp phát triển năng lực nhận thức (NLNT) cho HS DTTS ở một số trường THPT ở 3 tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế.

1. Thực trạng phát triển NLNT HS vùng DTTS trong dạy học LS ở một số trường THPT tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế

"NL là khả năng làm chủ những hệ thống kiến thức, kĩ năng, thái độ và vận hành (kết nối) chúng một cách hợp lí để thực hiện thành công nhiệm vụ hoặc giải quyết hiệu quả vấn đề đặt ra của cuộc sống" [1; tr 79]. NL có sự kết hợp nhiều thành tố như các khả năng nhận thức, kĩ năng, thái độ... và được đánh giá thông qua hoạt động của cá nhân khi giải quyết các vấn đề cụ thể.

NL của HS gồm NL chung và NL chuyên biệt, NL chuyên biệt của HS có thể phân thành hai nhóm là: nhóm NLNT và nhóm NL thực hành. Trong đó, nhóm NLNT thường gắn liền với các quá trình tư duy giúp cá nhân có thể nắm bắt, hiểu và vận dụng tốt tri thức

khoa học đã có để hình thành tri thức mới. Trong khung NL chuyên biệt, môn LS cần chú trọng hình thành và phát triển cho HS THPT, nhóm NLNT được cụ thể hóa thành các NL như: Tái hiện sự kiện, hiện tượng, nhân vật LS; Xác định và giải quyết mối liên hệ, ảnh hưởng, tác động giữa các sự kiện, hiện tượng, nhân vật LS; So sánh, phân tích, tổng hợp, trừu tượng hóa, khái quát hóa; Nhận xét, đánh giá rút ra bài học LS từ những sự kiện, hiện tượng, vấn đề LS, nhân vật LS; Vận dụng, liên hệ kiến thức LS đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra. Trong quá trình học tập, sự biến đổi nhận thức của người học không chỉ chịu sự tác động của nội dung, phương pháp và các hình thức dạy học, mà còn chịu ảnh hưởng từ điều kiện KT-XH, phong tục tập quán, lối sống đã được hình thành ở HS. Do vậy, ở mỗi vùng, miền khác nhau mức độ NT của HS lại mang nét đặc trưng riêng.

Xuất phát từ nhận thức trên, vào tháng 12/2016 chúng tôi đã tiến hành điều tra 40 giáo viên (GV) LS của các trường THPT miền núi 3 tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, đó là: THPT A Lưới, Nam Đông, Hương Lâm, Hồng Vân, Dân tộc nội trú tỉnh Thừa Thiên Huế; Atúc, Lao Bảo, số 1 Đakrông, số 2 Đakrông, Hướng Hóa, Dân tộc nội trú tỉnh Quảng Trị; Hóa Tiến, Phan Bội Châu, Phùng Hóa, Nguyễn Trãi, Minh Hóa, Dân tộc nội trú tỉnh Quảng Bình. Bằng việc sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu như: phỏng vấn, điều tra bằng phiếu hỏi, nghiên cứu sản phẩm hoạt động và sử dụng các phép toán thống kê để xử lí kết quả nghiên cứu.

* Trưởng Đại học Sư phạm - Đại học Huế

** Học viên Cao học K23, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế

1.1. Nhận thức về vai trò của việc phát triển NLNT của HS DTTS ở các trường THPT 3 tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế. Để tìm hiểu tầm quan trọng của việc phát triển NLNT của HS trong dạy học LS, chúng tôi đã tiến hành khảo sát nhận thức của GV về vai trò, ý nghĩa của việc dạy học theo hướng phát triển NLNT và thu được kết quả thu được là (xem *bảng 1*).

Bảng 1. Quan niệm của GV về vai trò, ý nghĩa của việc phát triển NLNT của HS trong dạy học LS

TT	Quan niệm của GV về vai trò, ý nghĩa của việc phát triển NLNT của HS DTTS trong dạy học LS	Mức độ (%)		
		Rất đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý
1	Hiện thực hóa chủ trương đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục phổ thông Việt Nam hiện nay.	75 (30)	25 (10)	0,0 (0)
2	Giúp HS nắm vững, hiểu sâu, vận dụng tốt kiến thức LS	80 (32)	20 (8)	0,0 (0)
3	Giúp HS vận dụng linh hoạt các thao tác tư duy, gây hứng thú học tập trong dạy học LS.	70 (28)	30 (12)	0,0 (0)
4	Bồi dưỡng và giáo dục tư tưởng, tình cảm cho HS	65 (26)	35 (14)	0,0 (0)
\bar{X}		72,5	27,5	0,0

Bảng 1 cho thấy, phần lớn GV (72,5%) được khảo sát đều rất đồng tình về các vai trò, ý nghĩa của việc dạy học theo hướng phát triển NLNT của HS trong quá trình dạy học LS ở trường THPT. Trong đó, việc giúp HS nắm vững, hiểu sâu, vận dụng tốt kiến thức LS được đánh giá cao nhất với tỉ lệ 80%, hiện thực hóa chủ trương đổi mới căn bản toàn diện nền giáo dục Việt Nam với tỉ lệ 75%, giúp HS vận dụng linh hoạt các thao tác tư duy, gây hứng thú cho người học với tỉ lệ 70%, bồi dưỡng và giáo dục tư tưởng, tình cảm cho HS với tỉ lệ 65%. Qua đó, khẳng định tầm quan trọng của việc dạy học phát triển NLNT của HS DTTS trong việc nâng cao hiệu quả dạy học LS ở trường THPT và giúp HS phát triển toàn diện về kiến thức, kĩ năng và thái độ.

1.2. Đặc điểm và mức độ nhận thức của HS DTTS ở trường THPT ba tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế. Nhận thức của HS DTTS có những nét đặc trưng riêng so với nhận thức của HS tại các khu vực khác, khi được khảo sát về vấn đề này GV các trường THPT đã đưa ra nhận định như sau (xem *bảng 2*).

Bảng 2 cho thấy, nhìn chung, các GV đều rất đồng tình (65%) khi khẳng định đặc điểm NT của HS DTTS là: trạng thái chú ý của HS DTTS có tính chất hình thức, ít tập trung (80%), tư duy còn mang tính một chiều (65%), khả năng tư duy trừu tượng thấp

Bảng 2. Đặc điểm quá trình NT của HS vùng DTTS

TT	Nhận định của GV về đặc điểm nhận thức của HS vùng DTTS	Mức độ (%)		
		Rất đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý
1	Khả năng tư duy trừu tượng thấp, ngại động não, ngại suy nghĩ.	60 (24)	40 (16)	0,0 (0)
2	Trạng thái chú ý không bền trong các giờ học, chú ý có tính chất hình thức, ít tập trung tư tưởng.	80 (32)	20 (8)	0,0 (0)
3	Tư duy còn biểu hiện một chiều, tính phản biện chưa cao	65 (26)	35 (14)	0,0 (0)
4	Nhận thức cảm tính của HS phát triển khá tốt, nhưng thiếu toàn diện.	55 (22)	45 (18)	0,0 (0)
\bar{X}		65	35	0,0

(60%), nhận thức cảm tính chiếm ưu thế (55%). Kết quả này hoàn toàn phù hợp với khảo sát của chúng tôi khi tham khảo đánh giá của GV về mức độ nhận thức của HS DTTS hiện nay. Trong đó có đến 75% ý kiến GV cho rằng nhận thức của HS DTTS chủ yếu ở mức độ *biết sử*, 25% đồng tình với nhận định là HS DTTS đã *bước đầu hiểu được bản chất của một số kiến thức LS* và không có GV đồng tình với nhận định nhận thức của HS vùng DTTS đạt đến mức độ *hiểu sâu sắc và vận dụng tốt kiến thức LS*. Qua đó, cho chúng ta thấy được những hạn chế trong nhận thức và kết quả học tập LS của HS DTTS hiện nay.

1.3. Những khó khăn khi tiến hành các hoạt động dạy học phát triển NLNT của HS trong quá trình dạy học môn LS. Để tìm hiểu về vấn đề này, chúng tôi đã tiến hành khảo sát GV. Kết quả thu được là (xem *bảng 3*).

Bảng 3. Những khó khăn phát triển NLNT của HS trong quá trình dạy học môn LS

TT	Quan niệm của GV về những khó khăn phát triển NLNT của HS trong quá trình dạy học môn LS	Mức độ (%)		
		Rất đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý
1	Việc đầu tư thực hiện các chủ trương, chính sách khuyến khích giáo dục miền núi còn thấp.	55 (22)	45 (18)	0,0 (0)
2	Sự đầu tư về cơ sở vật chất để phát triển NLNT của HS còn hạn chế	65 (26)	35 (14)	0,0 (0)
3	Động cơ học tập môn LS của HS chưa cao.	85 (34)	15 (6)	0,0 (0)
4	Ngôn ngữ Tiếng Việt còn nhiều hạn chế dẫn đến giao tiếp (thầy - trò) trong học tập còn nhiều khó khăn	60 (24)	40 (16)	0,0 (0)
5	GV ít nắm vững lí luận về phương pháp dạy học LS theo hướng phát triển NLNT cho HS DTTS	75,0 (30)	20,0 (8)	5 (2)
\bar{X}		68,0	31,0	1

Bảng 3 cho thấy có nhiều nguyên nhân tác động đến hiệu quả của việc dạy học LS theo hướng phát triển NLNT của HS vùng DTTS các tỉnh Bình - Trị - Thiên. Trong đó, chủ yếu là các yếu tố chủ quan xuất phát từ phía GV, HS và các cấp quản lý giáo dục, cụ thể là do GV ít nắm vững lý luận về phương pháp dạy học LS theo hướng phát triển NLNT của HS DTTS (75%); động cơ học tập môn LS của HS chưa cao (85%) và các cấp quản lý chưa đầu tư đúng mực về cơ sở vật chất, kĩ thuật cho giáo dục miền núi để phục vụ cho dạy học theo hướng phát triển NLNT (65%). Những kết quả khảo sát thực tiễn trên cho thấy ở các trường THPT miền núi Bình - Trị - Thiên đa số GV đều nhận thức được ý nghĩa của việc phát triển NLNT cho HS vùng DTTS đối với việc nâng cao chất lượng dạy học LS hiện nay. Do vậy, trên thực tế hướng dạy học này đã được tiến hành song chưa được triển khai một cách đồng bộ, có chiều sâu và chưa đạt kết quả cao. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên, xuất phát từ phía GV, HS và các cấp quản lý giáo dục. Trong đó nổi bật lên là yếu tố về tâm lí - văn hóa dân tộc, điều kiện sống, tính tích cực của HS trong học tập, giao tiếp... Đặc biệt là GV chưa được trang bị một cách đầy đủ lí luận dạy học theo hướng phát triển NLNT sao cho phù hợp với đặc điểm nhận thức của HS DTTS ở 3 tỉnh này.

2. Những kiến nghị nhằm phát triển NLNT HS DTTS trong dạy học LS ở một số trường THPT 3 tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế

2.1. Với Bộ GD-ĐT, các Sở GD-ĐT. Để nâng cao hiệu quả dạy học LS theo định hướng phát triển NLNT của HS DTTS, ngoài việc xây dựng, thực hiện các chiến lược dài hạn về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực giáo dục miền núi, có chính sách ưu đãi đối với GV vùng sâu vùng xa; đầu tư nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất, mở rộng mạng lưới các trường học đặc biệt là trường dân tộc nội trú,... Bộ GD-ĐT, các Sở GD-ĐT cần phải phối hợp, triển khai một số biện pháp cụ thể như:

- Có cơ chế tăng cường tính tự chủ của GV trong việc vận dụng hợp lí chương trình giáo dục tổng thể để xây dựng kế hoạch, bài giảng LS đa dạng, phong phú phù hợp với đặc điểm, đặc thù của từng trường, từng địa phương. Tăng thời lượng các tiết học LS địa phương, tăng cường bồi dưỡng thêm về ngôn ngữ tiếng Việt cho HS DTTS, bồi dưỡng vốn từ tiếng DTTS cho GV để giúp họ có điều kiện khai thác sâu hơn những kiến thức LS địa phương trong quá trình dạy học.

- Các Sở GD-ĐT cần tổ chức một cách thường xuyên, theo chu kì các đợt tập huấn, các chuyên đề nâng cao năng lực chuyên môn; kiến thức về tâm lí - văn hóa dân tộc; ngôn ngữ một số dân tộc để giúp

GV xây dựng được những bài học LS mang tính tích hợp cao phù hợp với tính đa văn hóa, đa dân tộc ở các lớp học miền núi. Ngoài ra, cần phối hợp chặt chẽ với các ban ngành chức năng địa phương và các trường THPT miền núi để xây dựng các nguồn tài liệu về LS, văn hóa địa phương của các DTTS bằng tiếng Việt, tiếng dân tộc để cung cấp nguồn tài liệu tham khảo cho quá trình giảng dạy và học tập của GV và HS DTTS.

2.2. Đối với các cán bộ quản lí. Để đảm bảo hiệu quả của các hoạt động dạy học theo định hướng phát triển NLNT của HS DTTS, trong quá trình quản lí, đòi hỏi các cán bộ quản lí giáo dục tại các trường THPT miền núi 3 tỉnh Bình - Trị - Thiên phải nắm vững thực tiễn, đặc trưng của trường và triển khai một cách hợp lí, có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Bộ GD-ĐT, Sở GD-ĐT về dạy học theo định hướng phát triển NL; tăng cường công tác kiểm tra chất lượng giáo dục; có chủ trương và biện pháp giáo dục phù hợp với từng đối tượng HS DTTS. Riêng đối với bộ môn LS các cán bộ quản lí giáo dục cũng cần chú trọng đến một số giải pháp như:

- Ban Giám hiệu các trường THPT miền núi cần phối hợp chặt chẽ với tổ bộ môn LS để lên kế hoạch giảng dạy, trong đó chú trọng đến việc triển khai các giờ học theo các chủ đề dạy học tích hợp có lồng ghép kiến thức LS địa phương, văn hóa phù hợp với địa phương GV đang công tác.

- Tạo điều kiện tối ưu như cấp kinh phí, huy động sự trợ giúp của các cán bộ Đoàn Thanh niên trong nhà trường và phối hợp với các ban ngành chức năng địa phương, phụ huynh HS giúp GV LS có điều kiện tổ chức các hoạt động ngoại khóa, các tiết dạy học tại thực địa để tạo hứng thú và phát triển NL tư duy, sáng tạo cho HS DTTS.

2.3. Đối với GV. GV là một trong những chủ thể của quá trình dạy và học, là người giữ vai trò quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng giáo dục. Do vậy, để góp phần nâng cao chất lượng dạy học LS theo hướng phát triển NLNT cho HS DTTS, GV cần có ý thức trau dồi, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ. Đặc biệt là phải quan tâm đến việc nghiên cứu LS văn hóa cũng như đặc điểm tâm - sinh lí của HS DTTS. Phải thường xuyên cập nhật các phương pháp và kĩ thuật dạy học hiện đại, biết vận dụng chúng một cách hiệu quả sao cho phù hợp với đặc trưng môn học, đặc điểm nhận thức của HS DTTS và điều kiện cơ sở vật chất nơi mình giảng dạy như: Tăng cường tính trực quan trong quá trình dạy học để tạo biểu tượng, cụ thể hóa nội dung các sự kiện, hiện tượng LS; - Tăng

(Xem tiếp trang 178)

2.3. Giáo dục tình yêu đôi lứa thông qua bài thơ

Tình yêu - đó là món quà ngọt ngào nhất mà tạo hóa ban tặng cho chúng ta. Tình yêu đôi lứa thủy chung, trong sáng là tình cảm thiêng liêng trở thành điểm tựa và sức mạnh tinh thần cho tuổi trẻ vươn lên, hướng con người tới những giá trị tốt đẹp và đáng trân trọng trong cuộc sống.

Trong “*Tiếng hát con tàu*” Chế Lan Viên có viết:

*“Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét
Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng
Như xuân đến chim rừng lông chột biếc
Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương...”*

Chế Lan Viên đã dùng những hình ảnh thể hiện quy luật ngàn đời rất gần gũi nhưng lại vô cùng độc đáo và mới mẻ. Tất cả nỗi nhớ ấy được khái quát lên thành tình yêu quê hương, đất nước. Chế Lan Viên đã đem đến một triết lí giản dị mà sâu xa, đó là sự hòa quyện giữa “cái tôi” với “cái ta”, giữa tình yêu đôi lứa với tình yêu của con người, yêu quê hương, Tổ quốc.

Trong bài thơ “*Đất Nước*”, Nguyễn Khoa Điềm cũng viết:

*“Trong anh và em hôm nay
Đều có một phần Đất Nước
Khi hai đứa cầm tay
Đất Nước trong chúng ta hài hòa nồng thắm
Khi chúng ta cầm tay mọi người
Đất Nước vẹn tròn, to lớn...”*

Như vậy, tình yêu lứa đôi tạo nên cội nguồn của sự sống đất nước, các thế hệ nối tiếp làm cho đất nước trường tồn, bất diệt. Tình yêu đôi lứa đã hòa vào tình yêu đất nước. Đó là tư tưởng đất nước thiêng liêng, tư tưởng nhân văn cao đẹp của con người. Cho nên, hãy mở rộng lòng mình, để gắn kết con người lại với nhau, để ta luôn tin rằng, cuộc sống này vẫn ngập tràn tình yêu thương. Trao đi những thương yêu, sẽ chia những xúc cảm, ta sẽ nhận lại được vô vàn những điều quý giá và ý nghĩa của cuộc sống này. Hạnh phúc chỉ thực sự trọn vẹn khi ta biết sống vì người khác, biết yêu thương vô điều kiện, biết sẻ chia và nâng niu thật nhiều.

Nhận thức được ý nghĩa thực sự của tình yêu ta sẽ tìm ra hướng giáo dục cho thanh niên hiện nay để họ có được một tình yêu đích thực và đáng ngợi ca. Đó là tình yêu không mang tính chất vụ lợi mà xuất phát từ bản chất tình yêu nghiêm túc, chân thành và hỗ trợ cùng nhau hoàn thiện hơn... □

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2012). *Ngữ văn 12* (tập 1). NXB Giáo dục Việt Nam.
- [2] Lê Kiến Cầu (2008). *Triết lí nhân sinh*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật
- [3] Đoàn Trọng Huy (18/2/2015). *Chế Lan Viên - thi nhân - triết nhân*, khoaanhoc-ngonngu.edu.vn.
- [4] *Từ điển Triết học*. NXB Tiến bộ Mát-xcơ-va.
- [5] Nguyễn Thị Mỹ Trang (2006). *Xây dựng lối sống văn hóa cho thanh niên hiện nay*. Tạp chí Cộng sản, số 6, tr 23-27.

Phát triển năng lực nhận thức...

(Tiếp theo trang 181)

cường các tiết học thực địa (do nhận thức cảm tính của HS vùng DTTS chiếm ưu thế); - Tạo các tình huống có vấn đề kết hợp với hệ thống câu hỏi gợi mở để tạo hứng thú, hình thành sự chú ý chủ định trong quá trình học tập của HS; - Tăng cường tích hợp các kiến thức LS - văn học - địa lí gắn với tri thức LS địa phương để phát triển NLNT của HS DTTS (vì HS DTTS có ưu thế về NT cảm tính, tư duy cụ thể...); - Trong quá trình tổ chức các hoạt động học tập cần rèn luyện cho HS DTTS các kĩ năng, các thao tác quan sát, phân tích, tổng hợp, quy nạp, diễn dịch, so sánh, đối chiếu để phát triển NL tư duy của HS và trong đánh giá phải kịp thời động viên, khắc phục những hạn chế trong nhận thức của HS để thúc đẩy hoạt động học tập của HS phát triển.

Nghiên cứu thực trạng của việc phát triển NLNT của HS DTTS trong quá trình dạy học LS ở các trường

THPT tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế là một việc làm cấp thiết nhằm cung cấp những thông tin xác đáng, tạo cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng bài học LS trên địa bàn miền núi các tỉnh nêu trên, qua đó, góp phần đẩy mạnh quá trình thực hiện chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện nền GD-ĐT và chính sách bình đẳng giáo dục cho tất cả các vùng miền của Đảng và Nhà nước ta trong bối cảnh hiện nay. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Công Khanh (chủ biên, 2014). *Kiểm tra, đánh giá trong giáo dục*. NXB Đại học Sư phạm.
- [2] Bộ GD-ĐT (2014). *Tài liệu tập huấn dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển năng lực học sinh môn Lịch sử cấp trung học phổ thông*.
- [3] Phan Ngọc Liên (chủ biên, 2010). *Phương pháp dạy học lịch sử* (tập 2). NXB Đại học Sư phạm.
- [4] Phạm Hồng Quang (2002). *Giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc cho sinh viên sư phạm*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Phạm Hồng Quang (2006). *Tổ chức học tập cho học sinh dân tộc, miền núi*. NXB Đại học Sư phạm.